

**KẾT QUẢ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN THỰC VẬT RỪNG
LÀM RAU ĂN ĐƯỢC TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN CÔPIA,
HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SON LA**

VŨ THỊ LIÊN

Trường Cao đẳng Sơn La

ĐỖ HỮU THƯ

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Khu Bảo tồn thiên nhiên (Khu BTTN) Còpia được thành lập theo Quyết định số 2509/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ngày 08/08/2003, có diện tích và phạm vi bảo tồn khoảng trên 19.353 ha. Có địa hình phức tạp, độ cao từ 100 đến 1800m so với mực nước biển, đỉnh cao nhất là đỉnh Còpia cao 1.816,8 m, nhiệt độ trung bình năm 19°C, ẩm độ 85%, lượng mưa 1500-1600 mm. Nằm ở tọa độ địa lý từ 21°12'30" đến 21°25'54" vĩ độ Bắc từ 103°32' đến 103°44' kinh độ Đông thuộc địa phận huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La. Còpia được xem là một trong những khu rừng đặc dụng quan trọng trong việc bảo tồn đa dạng sinh học. Nhiều loài thực vật hữu ích là tiềm năng cung cấp lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế cao.

Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) hiện đang được quan tâm bởi vai trò vô cùng to lớn của nó đối với kinh tế, văn hoá xã hội. Cũng như bất kỳ nơi đâu có rừng, đồng bào dân tộc sống trong và ngoài khu bảo tồn đã có thói quen từ lâu đời là khai thác và sử dụng thực vật phục vụ các nhu cầu dân sinh, trong đó nhu cầu lấy thực vật làm rau ăn ngày càng cao đã làm cho các loài rau rừng càng trở nên khan hiếm.

Khu BTTN Còpia thuộc huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La chứa đựng nguồn lâm sản ngoài gỗ phong phú và đa dạng đang hàng ngày bị khai thác quá mức. Nếu kéo dài tình trạng khai thác này, nguồn tài nguyên rừng sẽ có nguy cơ bị cạn kiệt, song thành phần loài có giá trị làm rau ăn chưa được điều tra, công bố. Trong bài báo này chúng tôi đưa ra kết quả điều tra tài nguyên thực vật rừng làm rau ăn được tại đây.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng

Tất cả các loài thực vật đang được các gia đình sống trong khu vực có kinh nghiệm khai thác, sử dụng và trồng làm rau ăn [7].

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp điều tra theo tuyến

Lập 4 tuyến điều tra trong 5 đợt: tháng 3, 6, 11, 12 năm 2003, tháng 1, 2 năm 2004. Tuyến điều tra đại diện cho các địa hình, trạng thái rừng. Mẫu sau khi thu được xử lý sơ bộ ngoài thực địa, ghi chép những đặc điểm cần thiết để định loại tên khoa học qua tài liệu của Phạm Hoàng Hộ (1993), Nguyễn Tiến Bân (1994), Trần Đình Lý (1993), Võ Văn Chi (1989), Trần Đình Đại, Nguyễn Trung Vệ (1993). Ngoài ra, chúng tôi điều tra bổ sung theo những sinh cảnh ven suối, ven nương rẫy, ven nhà.

2.2. Phương pháp phỏng vấn

Mục đích để thu thập thêm thông tin về các loài cây được sử dụng làm rau ăn, kinh nghiệm sử dụng, hiện trạng sử dụng.

Kiểm tra và bổ sung ngoài thực địa.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

1. Thành phần loài thực vật làm rau ăn được

Bảng 1

Thành phần loài thực vật rừng làm rau ăn được tại Khu BTTN Còpia

TT	Ngành	Số lượng		
		Họ	Chi	Loài
1.	Magnoliophyta	32	59	75
2.	Polypodiophyta	4	4	5
Tổng cộng		36	63	80

Chúng tôi đã ghi nhận và thu mẫu được 80 loài, 63 chi thuộc 36 họ thực vật bậc cao có mạch có giá trị làm rau ăn được (Bảng 1). Một số còn dùng làm thuốc, làm cảnh. Trong số này ngành Ngọc lan: có 75 loài (59 chi, thuộc 32 họ), ngành Dương xỉ có 5 loài (4 chi, thuộc 4 họ).

Các họ thực vật có nhiều loài làm rau ăn được nhất là: họ Poaceae (Hòa thảo) có 10 loài; Asteraceae (họ Cúc) có 8 loài; Amarantaceae (họ Rau dền) có 5 loài; Moraceae (họ Dâu tằm), Apiaceae (họ Hoa tán) có 4 loài; Lamiaceae (họ Hoa môi), Polygonaceae (họ Rau răm), Caesalpiniaceae (họ Vang), Euphorbiaceae (họ Thầu dầu) có 3 loài. Các chi có nhiều loài làm rau ăn được nhất lần lượt là: *Ficus*, *Polygonum*, *Bambusa*, *Dendrocalamus*, *Bauhinia*, *Blumea*.

2. Hiện trạng tài nguyên thực vật ăn được ở Khu BTTN Còpia

Các kết quả phỏng vấn và thu thập thông tin của người dân thường sử dụng thực vật ăn được ở khu vực đã cho thấy nguồn tài nguyên thực vật làm rau ăn được khá dồi dào và là nguồn thu nhập cho nhiều người dân sống phụ thuộc vào rừng. Có nhiều loài ăn được chính trong bữa ăn hàng ngày được xem là loại rau rừng “chống đói” của người dân nơi đây như các loại tre lấy măng (*Bambusa* spp.), Hoài sơn không đon nhiều như trước đây. Có một số loài đang được người dân sử dụng nhiều rất có thể đi tới khan hiếm hay biến mất khỏi Khu BTTN Còpia:

- Các loại măng thuộc phân họ Tre (Bambusadeae), các loại măng thường được lấy từ các loại Tre *Bambusa* spp., Nứa (*Neohouzeaua dullosa*), Giang (*Machurochroa* spp.), Mạy hóp (*Bambusa tuldoidea* Munro), đây là đối tượng bị khai thác nhiều nhất bởi hình thức lấy măng phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày của người dân, bên cạnh đó còn thương mại hóa sản phẩm các loại măng dưới nhiều hình thức.

- Rau sắng (*Melientha suavis*), lá non rau canh ăn như có mì chính. Loài này bị tác động của con người do phá rừng phát nương làm rẫy, làm cho nơi cư trú bị xâm hại. Số lượng cá thể ngày càng giảm.

- Rau bò khai, Dây hương (*Erythralum scandens* Blume), mọc rải rác ở ven rừng, nơi có ánh sáng nhiều. Thường lấy ngọn làm rau ăn. Hiện loại này đang được khai thác rất mạnh

3. Các hoạt động khai thác tài nguyên cây ăn được ở Khu BTTN Còpia

Thông tin thu nhận từ người dân khẳng định rằng việc khai thác thực vật làm rau ăn của người dân ở Khu BTTN Còpia vẫn diễn ra rất mạnh mẽ. Có quy mô lớn, cung cấp lượng hàng lớn cho nhu cầu trong huyện và thành phố Sơn La. Sự gia tăng số người thu hái, khai thác không có kiểm soát và diện tích đất rừng thu hẹp là nguyên nhân gây suy giảm nguồn tài nguyên cây rau ăn được một cách đáng kể.

Những loài khai thác tiêu thụ ra thị trường mạnh nhất hiện nay là các loài Tre, Hoài sơn (Khoai mài), Rau sắng, Rau bò khai. Đối tượng khai thác hiện nay phần lớn là đồng bào dân tộc

H'Mông, Thái. Chủ yếu là người dân lao động nghèo, làm thuê, quanh năm chủ yếu sống dựa vào rừng. Mùa khai thác cây ăn được ở đây còn tùy thuộc vào thu hái các bộ phận sử dụng của từng loại cho thực phẩm. Từ tháng 2- 9 các loại có thể khai thác với sản lượng cao là loài tre cho măng. Khai thác khoai mài từ tháng 9-12 và tháng 1, 2. Các loài thực vật có thể khai thác quanh năm là: Lá lốt (*Piper lolot*), Giấp cá (*Houttuynia cordata* Thunb.), Sung (*Ficus racemosa* L.)... việc khai thác hiện nay chủ yếu là do các cá nhân đơn lẻ.

4. Hoạt động mua bán cây ăn được

Các loài thu hái ở Khu BTTN Cópia chủ yếu được gom thu tại địa điểm của chợ chính trong khu vực huyện, thực phẩm được khai thác từ thực vật rừng được xem là nguồn “rau quả sạch” ngày càng được nhiều người ưa chuộng nên giá cả trên thị trường ngày càng cao.

Bảng 2

Giá mua bán của một số loại tiêu thụ ở Khu BTTN Cópia

TT	Tên địa phương	Tên khoa học	Giá mua vào VNĐ/kg	Giá bán ra VNĐ/kg
1.	Tre măng	<i>Bambusa</i> spp.	15.000	20.000
2.	Khoai mài	<i>Dioscorea persimilis</i>	8.000	12.000
3.	Rau sắng	<i>Melientha suavis</i>	10.000	15.000
4.	Rau bò khai	<i>Erythrolalum scandens</i>	15.000	20.000

III. KẾT LUẬN

Thành phần loài thực vật ăn được tại Khu BTTN Cópia khá phong phú bao gồm 80 loài, 63 chi, 36 họ thực vật có mạch, trong đó ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) có 75 loài, 59 chi thuộc 32 họ chiếm hơn 93,8% tổng số các loài thực vật làm rau ăn được. Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) có 5 loài, 4 chi thuộc 4 họ.

Các hoạt động khai thác, mua bán các loài cây rau ăn được tại Khu BTTN Cópia vẫn diễn ra mạnh mẽ. Trước nhu cầu sử dụng ngày càng cao cũng như khó quản lý thì các loài có thể trở nên khan hiếm và tuyệt chủng tại đây là khó tránh khỏi. Việc tuyên truyền cho người dân ý thức khai thác và sử dụng bền vững các loài cây rau ăn được là rất quan trọng, như việc tuyên truyền không nên chặt phá cây rừng, thu hồi hạt giống để trồng thiết lập lại thói quen trồng rau ở vườn nhà. Bên cạnh đó việc quản lý chặt chẽ của cơ quan quản lý là cần thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Martin G.J.**, 2002: Thực vật dân tộc học. NXB. Nông nghiệp.
2. **Nguyễn Tiến Bản, Bùi Minh Đức**, 1994: Một số rau dại ăn được ở Việt Nam. NXB. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
3. **Trần Đình Đại, Nguyễn Trung Vệ**, 1993: Tuyển tập Các công trình nghiên cứu Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.
4. **Trần Đình Đại**, 2000: Tuyển tập Các công trình nghiên cứu Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, tr. 516-520.
5. **Trần Đình Lý**, 1993: 1900 loài cây có ích ở Việt Nam. NXB. Thế giới.
6. **Triệu Văn Hùng**, 2007: Lâm sản ngoài gỗ Việt Nam. NXB. Bản đồ.
7. **Võ Văn Chi**, 1989: Cây rau làm thuốc. NXB. Tổng hợp, Đồng Tháp.

**THE RESULTS OF THE SURVEY ON EDIBLE PLANT RESOURCES
IN THE NATURE RESERVE COPIA, THUAN CHAU DISTRICT,
SON LA PROVINCE**

VU THI LIEN, DO HUU THU

SUMMARY

Comestible plants in Copia Nature Reserve are plentiful with 80 species, 63 genera belonging to 36 families of vascular plants, in which Magnoliophyta has 75 species, 59 genera of 32 families. Magnoliophyta occupies 93.8% of the plants used as vegetables. Fern has 5 species, 4 genera of 4 families. Nowadays, the exploitation and selling vegetable plants in Nature Reserve Copia are remains strong. In addition, the increasing demand for vegetables as well as the difficulties in managing leads to the fact that the species could become scarce and the extinction is unavoidable. The propaganda to increase the people's awareness of the exploitation and sustainable use of vegetable plants are as important as the propaganda of not cutting down trees, recovering seeds to plant, re-establishing the habit of growing vegetables in home gardens. Besides, the strict control of management agencies is needed.